UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG CHÍ LINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1500 /QĐ-UBND	*Chí Linh, ngày 9 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHÍ LINH

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ khoa học và công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1101.1/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Chí Linh về việc ban hành và áp dụng các tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2026;

Căn cứ xác nhận của Chủ tịch UBND phường Chí Linh về việc xác nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng có hiệu lực tại UBND phường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND phường Chí Linh phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO, Phòng Kinh tế; các phòng chuyên môn; Trung tâm Phục vụ hành chính công và cán bộ, công chức thuộc UBND phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG CHÍ LINH T.P HẢI PHÒNG

Trần Trung Kiên

DANH MỤC
QUY TRÌNH THUỘC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND phường Chí Linh)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
PHẦN 1: QUY TRÌNH HỆ THỐNG			
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQL	
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01	
5	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội (phương pháp định tính)	HD.02	
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04	
PHẦN 2: DANH MỤC QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2026			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
1	**DI SẢN VĂN HÓA**		
1	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.DSVH01	
2	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.DSVH02	
3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.DSVH03	
4	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	QT.DSVH04	
2	**GIA ĐÌNH**		
1	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	QT.GD01	
2	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QT.GD02	
3	**PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**		
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PTTH01	
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PTTH02	
3	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PTTH03	
4	**THỂ DỤC THỂ THAO**		

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	QT.PTTH04	
5	**XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**		
1	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	QT.XBPH01	
2	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	QT.XBPH02	
3	Thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	QT.XBPH03	
6	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN**		
1	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GDQD01	
2	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.GDQD02	
3	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GDQD03	
4	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GDQD04	
5	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GDQD05	
6	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GDQD06	
7	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.GDQD07	
8	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	QT.GDQD08	
9	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	QT.GDQD09	
10	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	QT.GDQD10	
11	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GDQD11	
12	Đổi tên trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDQD12	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
13	Thay đổi địa điểm hoạt động giáo dục của trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDQD13	
7	**GIÁO DỤC TRUNG HỌC**		
1	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT.GDQD14	
8	**GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.GDNN01	
2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	QT.GDNN02	
9	**ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU**		
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3)	QT.UPTD01	
10	**GIẢM NGHÈO**		
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN01	
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN02	
3	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.GN03	
4	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	QT.GN04	
5	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QT.GN05	
6	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	QT.GN06	
7	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	QT.GN7	
11	**THỦY LỢI**		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL01	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL02	
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL03	
4	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL04	
5	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	QT.TL05	
6	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL06	
7	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL07	
8	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL08	
9	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL09	
10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL10	
11	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL11	
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL12	
13	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL13	
14	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL14	
15	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL15	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
16	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL16	
17	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL17	
12	**QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**		
1	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.QLDD01	
2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.QLDD02	
13	**TÀI NGUYÊN NƯỚC**		
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.TNN01	
14	**KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**		
1	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.KTHTPT01	
2	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	QT.KTHTPT02	
15	**LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**		
1	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	QT.LNKL01	
2	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	QT.LNKL02	
3	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.LNKL03	
4	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	QT.LNKL04	
5	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	QT.LNKL05	
6	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư	QT.LNKL06	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
7	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.LNKL07	
8	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	QT.LNKL08	
16	**TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**		
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.TTBVTV01	
2	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	QT.TTBVTV02	
17	**THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ**		
1	Công bố mở cảng cá loại III	QT.TSKN01	
2	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	QT.TSKN02	
3	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TSKN03	
4	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TSKN04	
5	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	QT.TSKN05	
6	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoãng dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	QT.TSKN06	
18	**CHĂN NUÔI**		
1	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	QT.CN01	
2	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.CN02	
19	**ĐẤT ĐAI**		
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.DD01	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
2	Hoà giải tranh chấp đất đai	QT.DD02	
3	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích; gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	QT.DD03	
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư	QT.DD04	
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư; giao rừng, cho thuê rừng	QT.DD05	
6	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	QT.DD06	
7	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	QT.DD07	
8	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.DD08	
9	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	QT.DD09	
10	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	QT.DD10	
11	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	QT.DD11	
12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	QT.DD12	
13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QT.DD13	
14	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT.DD14	
15	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.DD15	
16	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao, đất thổ cư đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 khi người sử dụng đất có nhu cầu	QT.DD16	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
17	Giải quyết đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	QT.DD17	
18	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP	QT.DD18	
19	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận đối với một phần diện tích của thửa đất, phần diện tích còn lại chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận trước đây mà nay đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.DD19	
20	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo phương án "dồn điền đổi thửa" được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 8 năm 2024	QT.DD20	
21	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.DD21	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	QT.DD22	
23	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	QT.DD23	
20	**BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**		
1	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BVHD01	
2	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BVHD02	
3	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BVHD03	
4	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BVHD04	
21	**MÔI TRƯỜNG**		
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QT.MT01	
22	**THÚ Y**		
1	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	QT.TY01	
23	**BẢO TRỢ XÃ HỘI**		

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
1	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH01	
2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH02	
3	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng	QT.BTXH03	
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.BTXH04	
5	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH05	
6	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH06	
24	**TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**		
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	QT.KCHT01	
25	**BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**		
1	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QT.QLNTD	
26	**ĐIỆN**		
1	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	QT.DIEN	
27	**TIN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**		
1	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT.TNTG01	
2	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TNTG02	
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.TNTG03	
4	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TNTG04	
5	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.TNTG05	
6	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.TNTG06	
7	Công nhận người có uy tín	QT.TNTG07	
8	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	QT.TNTG08	
28	**VIỆC LÀM**		
1	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	QT.VL	
29	**NGƯỜI CÓ CÔNG**		

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC01	
2	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT.NCC02	
30	**LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ**		
1	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	QT.NO&CS01	
2	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	QT.NO&CS02	
31	**LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**		
1	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT.DTND01	
2	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.DTND02	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.DTND03	
4	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.DTND04	
5	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.DTND05	
6	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.DTND06	
7	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT.DTND07	
8	Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	QT.DTND08	
9	Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	QT.DTND09	
10	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	QT.DTND10	
32	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**		
1	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV và công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD01	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
2	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III và cấp IV, công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD02	
3	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD03	
4	Thủ tục cấp gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD04	
5	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD05	
6	Chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm (được xây dựng có thời hạn phục vụ mục đích sử dụng cho việc tổ chức các sự kiện hoặc hoạt động khác trong thời gian quy định)	QT.XD06	
7	Chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm (được xây dựng có thời hạn phục vụ mục đích thi công xây dựng công trình chính)	QT.XD07	
8	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới, có thời hạn đối với công trình cấp III, cấp IV và công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD08	
33	**TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**		
1	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.TG01	
2	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TG02	
3	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	QT.TG03	
34	**QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC**		

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
1	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT.LDNN	
35	**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (HỘ KINH DOANH)**		
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.HKD01	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.HKD02	
3	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh	QT.HKD03	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.HKD04	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.HKD05	
6	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	QT.HKD06	
7	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	QT.HKD07	
36	**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ VÀ LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**		
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT.HTX01	
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	QT.HTX02	
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	QT.HTX03	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác / Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã / Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện / Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.HTX04	
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX05	
6	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.HTX06	
7	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT.HTX07	
8	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX08	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
9	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX09	
10	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX10	
11	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liê nhiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT.HTX11	
12	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX12	
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	QT.HTX13	
14	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX14	
15	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	QT.HTX15	
16	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX16	
17	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX17	
18	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX18	
19	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX19	
20	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX20	
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	QT.HTX021	
37	**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC KHÔNG ĐĂNG KÝ**		
1	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác không đăng ký	QT.HTKDK01	
2	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	QT.HTKDK02	
38	**QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**		

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
1	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	QT.MTQG	
39	**TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI**		
1	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	QT.TCDD	
40	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH (CẤP XÃ)**		
1	Đăng ký khai sinh	QT.HT01	
2	Đăng ký kết hôn	QT.HT02	
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT3	
4	Đăng ký lại kết hôn	QT.HT04	
5	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT05	
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT06	
7	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT07	
8	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT08	
9	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT09	
10	Đăng ký khai tử	QT.HT10	
11	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT11	
12	Đăng ký lại khai tử	QT.HT12	
13	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT13	
14	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT14	
15	Đăng ký khai tử lưu động	QT.HT15	
16	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT16	
17	Đăng ký giám hộ	QT.HT17	
18	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT18	
19	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT19	
20	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT20	
21	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.HT21	
22	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.HT22	
23	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.HT23	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
24	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	QT.HT24	
25	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT25	
26	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT26	
27	Đăng ký lại khai sinh	QT.HT27	
28	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT28	
29	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT29	
30	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT30	
31	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT31	
32	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.HT32	
33	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT33	
34	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT34	
35	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	QT.HT35	
41	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (CẤP XÃ)**		
1	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT01	
2	Chứng thực di chúc	QT.CT02	
3	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT03	
4	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT04	
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	QT.CT05	
6	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	QT.CT06	
7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	QT.CT07	
42	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (CẤP XÃ)**		
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN01	
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN02	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN03	
4	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.NCN04	
5	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.NCN05	
43	**LĨNH VỰC HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ (CẤP XÃ)**		
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	QT.HGCS01	
2	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QT.HGCS02	
3	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.HGCS03	
4	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.HGCS04	
5	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.HGCS05	
44	**LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (CẤP XÃ)**		
1	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.BTNN	
45	**DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM**		
1	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.DSBMTE01	
2	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.DSBMTE02	
3	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.DSBMTE03	
4	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.DSBMTE04	
46	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP CÔNG DÂN**		
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.TCD	
47	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH XỬ LÝ ĐƠN**		
1	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.XLD	
48	**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN ĐẦU**		
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại xã	QT.GQKNLD	
49	**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO**		

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
1	Giải quyết tố cáo cấp xã	QT.GQTC	
50	**KHOÁNG SẢN**		
1	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.KS01	
2	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.KS02	
51	**KINH DOANH BẢO HIỂM**		
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT.KDBH	
52	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC**		
1	Cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	QT.GDK01	
2	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở	QT.GDK02	
53	**GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**		
1	Cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thục	QT.GDTX01	
2	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng tư thục	QT.GDTX02	
54	**GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**		
1	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDPT01	
2	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDPT02	
3	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDPT03	
4	Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDPT04	
55	**GIÁO DỤC MẦM NON**		
1	Cho phép thành lập trường mầm non	QT.GDMN01	
2	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non	QT.GDMN02	
3	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non	QT.GDMN03	
4	Giải thể trường mầm non (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.GDMN04	
5	Cho phép thành lập nhóm, lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	QT.GDMN05	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
6	Sáp nhập, chia, tách nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	QT.GDMN06	
7	Giải thể nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập nhóm lớp)	QT.GDMN07	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG CÓ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT Ở CẤP XÃ			
1	**GIÁO DỤC TRUNG HỌC**		
1	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	QT.GDTH01	
2	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	QT.GDTH02	
3	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	QT.GDTH03	
4	Tiếp nhận học sinh xin học lại	QT.GDTH04	
2	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN**		
1	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.GDQD01	
2	Xét, cấp học bổng chính sách	QT.GDQD02	
3	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT.GDQD03	
3	**THI, TUYỂN SINH**		
1	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	QT.TS	
4	**MÔI TRƯỜNG**		
1	Cấp giấy phép môi trường	QT.MT01	
2	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT.MT02	
3	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT.MT03	
5	**BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**		
1	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	QT.BDKH01	
2	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	QT.BDKH02	
3	Thay đổi thành phần tham gia dự án	QT.BDKH03	
4	Hủy đăng ký dự án	QT.BDKH04	
5	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	QT.BDKH05	
6	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện	QT.BDKH06	
7	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon	QT.BDKH07	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
6	**PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**		
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.PCTNXH	
7	**LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**		
1	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	QT.DB01	
2	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT.DB02	
3	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT.DB03	
4	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT.DB04	
5	Cấp giấy phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	QT.DB05	
6	Chấp thuận thiết kế nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	QT.DB06	
8	**LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**		
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.TND01	
2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.TND02	
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.TND03	
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.TND04	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.TND05	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.TND06	
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	QT.TND07	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.TND08	
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.TND09	
10	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	QT.TND10	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
11	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.TND11	
12	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	QT.TND12	
9	**LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN**		
1	Cung cấp thông tin về hồ sơ cắm mốc theo quy hoạch, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	QT.DTNT01	
2	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do nhà đầu tư tổ chức lập)	QT.DTNT02	
3	Thẩm định quy hoạch,điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do nhà đầu tư tổ chức lập)	QT.DTNT03	
4	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập	QT.DTNT04	
5	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn thuộc (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	QT.DTNT05	
10	**LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT**		
1	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT.HTKT	
11	**HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**		
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	QT.TCPCPNN01	
2	Thủ tục thành lập hội	QT.TCPCPNN02	
3	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	QT.TCPCPNN03	
4	Thủ tục hội tự giải thể	QT.TCPCPNN04	
5	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	QT.TCPCPNN05	
6	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.TCPCPNN06	
7	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	QT.TCPCPNN07	
8	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	QT.TCPCPNN08	
9	Thủ tục quỹ tự giải thể	QT.TCPCPNN09	
10	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.TCPCPNN10	
11	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	QT.TCPCPNN11	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
12	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT.TCPCPNN12	
13	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	QT.TCPCPNN13	
14	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT.TCPCPNN14	
12	**CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**		
1	Thủ tục xét tuyển viên chức	QT.CCVC01	
2	Thủ tục thi tuyển Viên chức	QT.CCVC02	
3	Thủ tục xét tuyển công chức	QT.CCVC03	
4	Thủ tục thi tuyển công chức	QT.CCVC04	
5	Thủ tục tuyển chọn Tổng công trình sư Dự án	QT.CCVC05	
6	Thủ tục tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng cấp bộ, cấp tỉnh, Dự án	QT.CCVC06	
7	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	QT.CCVC07	
13	**QUẢN LÝ CÔNG SẢN**		
1	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	QT.QLCS01	
2	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	QT.QLCS02	
14	**TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI**		
1	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	QT.DDTC01	
2	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	QT.DDTC02	
3	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	QT.DDTC03	
15	**THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**		
1	Thủ tục nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	QT.TPLP	
16	**QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**		
1	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	QT.QLCTMTQG	
17	**. LĨNH VỰC HỘ TỊCH**		
1	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.LVHT01	
2	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QT.LVHT02	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
18	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC**		
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.LVCT01	
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.LVCT02	
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT.LVCT03	
4	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	QT.LVCT04	
5	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	QT.LVCT05	
19	**THI ĐUA – KHEN THƯỞNG**		
1	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	QT.TDKT	
20	**DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM**		
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.DSBMTE01	
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.DSBMTE02	
21	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**		
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT.HDXD	
22	**BẢO TRỢ XÃ HỘI**		
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH01	
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH02	